TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Nguyễn Ngọc Quý**
2. **Bà Chu Thị Minh**

-***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Huyền** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*** **Bà Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991**

HKTT: Thôn LX, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở: Thôn HL, xã ĐP, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa – Có mặt.

2.Bị đơn: **Anh Đặng Viết T, sinh năm 1991**

HKTT: Thôn LX, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Hiện anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội – Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973** (mẹ đẻ anh T); Trú tại: Thôn LX, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội – Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa, cả hai bên đều kết hôn lần đầu. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng bố mẹ anh T tại thôn LX, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà

Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi không chịu làm ăn, nhiều lần đánh đập chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng không có kết quả. Từ tháng 4 năm 2016, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện C.M giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Viết T.

2.Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đặng Viết T1, sinh ngày 08/4/2012 và Đặng Yến N, sinh ngày 14/7/2014. Từ khi vợ chồng ly thân các cháu ở với bố và bà nội là Nguyễn Thị H – mẹ đẻ anh T. Chị thừa nhận trong thời gian cháu T1 và cháu N ở cùng với anh T và bà H thì bố và bà nội chăm sóc các cháu chu đáo. Tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2017, chị đồng ý để anh T nuôi cả hai cháu T1 và N nhưng do hiện nay anh T đang bị tạm giam để điều tra về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy nên chị thay đổi ý kiến đề nghị được nuôi cả hai cháu do anh T hiện tại không có điều kiện nuôi con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Viết T trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh qua bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh tại nơi cư trú theo đúng quy định, anh xác nhận được thông báo đầy đủ các văn bản do Tòa án tống đạt nhưng do công việc của anh nên anh chưa đến Tòa án. Tại bản tự khai anh trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống đúng như chị H trình bày. Theo anh vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ ngoại tình với người khác, anh bức xúc nên đã xảy ra xô xát, cãi cọ. Sau đó, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án khuyên giải để anh chị về đoàn tụ với nhau. Trường hợp Tòa án đã khuyên giải nhưng chị H nhất quyết ly hôn với anh thì chị H phải để anh nuôi dưỡng cả hai con chung anh mới đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Đặng Viết T1, sinh ngày 08/4/2012 và Đặng Yến N, sinh ngày 14/7/2014. Từ khi ly thân đến trước khi Công an huyện Đ.P bắt và tạm giam để điều tra về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy ngày 19/6/2017, các cháu sống cùng với anh và mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị H tại thôn LX, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Hiện nay các cháu vẫn đang sống cùng mẹ anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu T1 và cháu N. Trong thời gian anh bị tạm giam, mẹ anh là bà Nguyễn Thị H sẽ thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung bình thường. Anh đề nghị chị H mỗi tháng phải hỗ trợ 1.500.000 đồng để cấp dưỡng nuôi hai cháu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng chị H – anh T có mâu thuẫn và bà cũng khuyên giải nhiều nhưng không được, vợ chồng T - H đã ly thân đến nay là hơn 1 năm. Trong thời gian anh T – chị H ly thân, bà và anh T nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Đặng Viết T1 và Đặng Yến N nhưng chị H không quan tâm đến chồng con. Nay chị H xin ly hôn với con trai bà là Đặng Viết T bà không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Hiện nay anh T đang bị tạm giam, nếu chị H nhất trí để anh T được quyền nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N thì bà sẽ nhận trách nhiệm nuôi cháu T1 và cháu N giúp anh T trong thời gian anh T bị tạm giam. Bà yêu cầu chị H phải có trách nhiệm nộp tiền học cho cháu T1 và cháu N.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Yến N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Đặng Viết T1 mỗi tháng 1.500.000đồng. Về tài sản, công nợ chung chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H và xử cho chị H được ly hôn anh T; Về con chung: giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Yến N; giao anh T nuôi dưỡng cháu Đặng Viết T1. Tạm giao cháu T1 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, giáo dục trong thời gian anh T bị tạm giam. Ghi nhận chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu Đặng Viết T1 1.500.000đồng/tháng. Về tài sản, công nợ chung: anh chị xác nhận không có nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí về phần ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Trịnh Thị H và anh Đặng Viết T có đăng ký kết hôn, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn LX, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C.M, Thành phố Hà Nội. Bị đơn anh Đặng Viết T và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa. Anh T và bà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, bà H.

[2] **Về nội dung:** Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đặng Viết T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa nên hôn nhân giữa chị H với anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị H, anh T và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Sau khi kết hôn được khoảng 04 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi không chịu làm ăn, nhiều lần đánh đập chị, chị đã thuyết phục nhưng anh T không thay đổi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa từ tháng 4 năm 2016, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ ngoại tình nên anh bức xúc có xảy ra cãi cọ xô xát sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trước yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh T, anh T không đồng ý vì muốn các cháu được có mẹ, có bố nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T là trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị H xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] **Về con chung:** Chị H, anh T xác nhận có 02 con chung là Đặng Viết T1, sinh ngày 08/4/2012 và Đặng Yến N, sinh ngày 14/7/2014. Hiện tại các cháu đang ở với mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu N để anh T nuôi cháu T1; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cháu T1 mỗi tháng 1.500.000đồng; anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu T1 và cháu N và đề nghị Tòa án tạm giao cháu T1 và cháu N cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu trong thời gian anh bị tạm giam. Anh T đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1 tháng/2 cháu. Bà Nguyễn Thị H mẹ đẻ anh T cũng có nguyện vọng và tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N trong thời gian anh T bị tạm giam.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Từ tháng 4 năm 2016 đến nay cháu T1 và cháu N vẫn do anh T và bà Nguyễn Thị H – mẹ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ổn định, chị H thỉnh thoảng về thăm con. Trước khi anh T bị tạm giam, chị H và anh T thống nhất giao cả hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tuy nhiên hiện nay anh T đang bị tạm giam để điều tra về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy nên không có điều kiện và thu nhập để nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Chị H hiện tại công việc ổn định có thu nhập từ 5.500.000 đến 8.000.000 đồng/tháng. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của các bên, điều kiện mọi mặt trong việc nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng được nuôi con của chị H và anh T: giao cháu Đặng Viết T1 cho anh Đặng Viết T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm giao cháu T1 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong thời gian anh T bị tạm giam; Giao cháu Đặng Yến N cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu T1 mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] **Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị H, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Đặng Viết T.

2.Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đặng Yến N, sinh ngày 14/7/2014 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Đặng Viết T1, sinh ngày 08/4/2012 cho anh Đặng Viết T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao cháu Đặng Viết T1 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, giáo dục trong thời gian anh T bị tạm giam.

Ghi nhận chị Trịnh Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Đặng Viết T1 mỗi tháng 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trịnh Thị H và anh Đặng Viết T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002757 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M, Thành phố Hà Nội, chị H còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm; chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Viết T, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện C.M;
- Chi cục THADS huyện C.M;
- UBND xã ĐP, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lợi